



2023年
平和祈願ミサ
MASS FOR PEACE MISA POR LA PAZ
THÁNH LỄ CẦU NGUYỆN CHO HÒA BÌNH

主司式／ヨゼフ・アベイヤ司教

2023年8月11日（金）

福岡カテドラル大名町教会

August 11, 2023

Fukuoka Cathedral Daimyo-machi Catholic Church



開 祭

THE INTRODUCTORY RITES

入祭の歌

典 1 8 3

われらはシオンで神を たたえ

200

♩ = 84

CL
YT

答唱 わ れ ら は シ - オ ン で か み を た た え ゆ
た かな め ぐ み - を よ ろ こ び う た う

- | | | | | |
|----------------|----------|-----------|-------------|---------------|
| 1. 祈りを聞いてくださる | か み | 罪に苦しむ人はみな | あなたのもとを | た ず ね る |
| 2. あなたの庭に住むように | 選 ば れ | 招かれた人は | | し あ わ せ |
| 3. わたしたちの救い | わたしたちのかみ | よ | あなたは地の果ての望み | 遠い島じま の き ぼ う |
| 4. あなたは地を訪れて | 喜 ば せ | 豊かな実りで | | お お わ れ る |
| 5. 荒れ野の牧場も若草に | も え | 丘一面に喜びが | | こ だ ま す る |

- | | | | | | | | |
|---------------|---------|-----|----------|----------|-------|-------|---|
| 1. 罪の重荷に | うちひしがれて | も | あなたはすべてを | ゆるしてくださ | る | | |
| 2. わたしたちは | あふれる恵みに | 潤され | る | あなたの家 | 神殿の中 | で | |
| 3. わたしたちに | こたえて救いを | あらわ | し | 驚くべきしるしを | おこなわれ | る | |
| 4. 大空に水を | たくわ | え | 地に水を注いで | 麦を与えられ | る | | |
| 5. 野山は羊の群れに満ち | 谷は小麦に | おおわ | れ | 人びとは | 喜びに | あふれて歌 | う |

いつくしみの賛歌 KYRIE (ミサ曲 B 610)

詞・曲 CBCJ

先唱	会衆
主よ、いつくしみを。	主よ、いつくしみを わたしたちに。
先唱	会衆
キリスト、いつくしみを。	キリスト、いつくしみを わたしたちに。
先唱	会衆
主よ、いつくしみを。	主よ、いつくしみを わたしたちに。

栄光の賛歌 GLORIA (ミサ曲 B 612)

詞・曲 CBCJ

(先唱) 天には わたしたちは 主なる御ひとり子 父の右に	神に 主を イエス・キリスト 座しておられる	栄光、 ほめ、 よ、 主よ、
(一同) 地には 主をたたえ、 神なる主、神の小羊、 いつくしみを	み 心になう人に 主を 父の わたしたち	平和。 おがみ、 み子よ、 に。
神なる 主を 世の罪を ただひとり	主、 あがめ、 取り除く主よ、 聖なるかた、	天の 主の大なる いつくしみを すべてを越える唯一の主、イエス・キリストよ、
全能の父なる 感謝を 世の罪を取り除く主よ、 聖霊とともに	神 ささげま わたしたちの願いを聞き入れてください。 父なる神の栄光のうち	おう、 えい光のゆえに わたしたちに。 アーメン。

集会祈願

正義と平和の源である神よ、あなたは争いを憎み、思い上がる者を打ち砕かれます。世界を悪の力から守り、苦しみと涙をわたしたちから取り除いてください。すべての人があなたの子供として平和のうちに生きることができるよう。

聖霊による一致のうちに、あなたとともに神であり、世々としえに生き、治められる御子、わたしたちの主イエス・キリストによって。アーメン。

OPENING PRAYER

Lord, source of justice and peace, you hate the war, bring down people who are conceited. Protect the world from the power of evil, wipe away the suffering and tears from us. May all people live in peace as your children.

We ask this through our Lord Jesus Christ, your Son, who lives and reigns with you in the unity of the Holy Spirit, one God, for ever and ever. Amen.

ことばの典礼 THE LITURGY OF THE WORD

第 1 朗読 (イザヤ書 2 章 1-5 節)

イザヤの預言

アモツの子イザヤが、ユダとエルサレムについて幻に見たこと。終わりの日に主の神殿の山は、山々の頭として堅く立ちどの峰よりも高くそびえる。国々はこぞって大河のようにそこに向かい多くの民が来て言う。「主の山に登り、ヤコブの神の家に行こう。主はわたしたちに道を示される。わたしたちはその道を歩もう」と。主の教えはシオンから御言葉はエルサレムから出る。主は国々の争いを裁き、多くの民を戒められる。彼らは剣を打ち直して鋤とし、槍を打ち直して鎌とする。国は国に向かって剣を上げずもはや戦うことを学ばない。ヤコブの家よ、主の光の中を歩もう。

FIRST READING (Isaiah 2:1-5)

A reading from the book of the Prophet Isaiah

This is what Isaiah, son of Amoz, saw concerning Judah and Jerusalem. In days to come, The mountain of the LORD'S house shall be established as the highest mountain and raised above the hills. All nations shall stream toward it; many peoples shall come and say: "Come, let us climb the LORD'S mountain, to the house of the God of Jacob, That he may instruct us in his ways, and we may walk in his paths." For from Zion shall go forth instruction, and the word of the LORD from Jerusalem. He shall judge between the nations, and impose terms on many peoples. They shall beat their swords into plowshares and their spears into pruning hooks; One nation shall not raise the sword against another, nor shall they train for war again. O house of Jacob, come, let us walk in the light of the LORD!

PRIMERA LECTURA (Isaías 2:1-5)

Lectura del libro del profeta Isaías

Lo que vio Isaías hijo de Amoz en una visión sobre Judá y Jerusalén. En los últimos días el monte del templo del Señor se mantendrá firme como la cabeza de los montes, y se elevará por encima de todos los picos. Las naciones se precipitarán hacia él como un gran río, y vendrán muchos pueblos y dirán: "Subamos al monte del Señor y vayamos a la casa del Dios de Jacob. El Señor nos mostrará el camino. Caminemos por ese camino". La enseñanza del Señor sale de Sión, la palabra de Jerusalén. El Señor juzga las disputas de las naciones y amonesta a muchos pueblos. Convertirán sus espadas en rejas de arado, y sus lanzas en hoces. Nación no levantará espada contra nación y ya no aprenderá a pelear. Casa de Jacob, caminemos a la luz del Señor.

Bài đọc I (Is 2,1-5)

Trích sách tiên tri I-sai-a

Đây là điều mà ông I-sai-a, con ông A-móc, đã được thấy về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Trong tương lai, núi Nhà ĐỨC CHÚA đứng kiên cường vượt đỉnh các non cao, vươn mình trên hết mọi ngọn đồi. Dân dân lũ lượt đưa nhau tới, nước nước dập dìu kéo nhau đi. Rằng: "Đến đây, ta cùng lên núi ĐỨC CHÚA, lên Nhà Thiên Chúa của Gia-cóp, để Người dạy ta biết lối của Người, và để ta bước theo đường Người chỉ vẽ. Vì từ Xi-on, thánh luật ban xuống, từ Giê-ru-sa-lem, lời ĐỨC CHÚA phán truyền. Người sẽ đứng làm trọng tài giữa các quốc gia và phân xử cho muôn dân tộc. Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày, rèn giáo mác

nên liềm nên hái. Dân này nước nọ sẽ không còn vung kiếm đánh nhau, và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến. Hãy đến đây, nhà Gia-cóp hỡi, ta cùng đi, nhờ ánh sáng ĐỨC CHÚA soi đường !

答唱詩編 典 1 7 3 ①④⑤

わたしたちは 神の民

77 ④
370

♩ = 60 くらい

CL
TS

答唱 わ た し た ち は か み の た み そ の ま き ば の む れ

詩編 1 「神の家に行こう」と言われて わたしの心は喜びにはずんだ
エルサレムよ わたしたちは いま おまえの門のうちに立っている

詩編 4 平和を祈ろうエルサレムのために 「エルサレムを愛するものに平和
その城壁のうえに その宮殿のうちに平和」

詩編 5 わたしの兄弟 わたしの友のために 「エルサレムに平和」
わたしたちの神のすまいのゆえに エルサレムの上に恵みを願おう

アレルヤ唱 典 2 6 9 (マタイ 5,3)

アレルヤ唱

94

CL
TS

ア レ ル - ヤ ア レ ル - ヤ - 心 の 貧 し い 人 は さ い わ い

天 の 国 は そ の 人 の も の ア レ ル - ヤ - ア レ ル ヤ

ALLELUIA (Mt 5,3)

Alleluia! Blessed are the poor in spirit: the kingdom of Heaven is theirs. Alleluia!

Tung hô Tin Mừng

Alleluia, aleluia. Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó vì Nước Trời là của họ. Alleluia, alleluia.

福音 (マタイ 5, 1-12)

マタイによる福音

[そのとき、]イエスは群衆を見て、山に登られた。腰を下ろされると、弟子たちが近くに集まって来た。そこで、イエスは口を開き、教えられた。

こころの貧しい人々は幸いである、天の国はその人たちのものである。

悲しむ人々は、幸いである、その人たちは慰められる。
柔和な人々は、幸いである、その人たちは地を受け継ぐ。
義に飢え渴く人々は、幸いである、その人たちは満たされる。
憐れみ深い人々は、幸いである、その人たちは憐れみを受ける。
心の清い人々は、幸いである、その人たちは神を見る。
平和を実現する人々は、幸いである、その人たちは神の子と呼ばれる。
義のために迫害される人々は、幸いである、天の国はその人たちのものである。
わたしのためにののしられ、迫害され、身に覚えのないことであらゆる悪口を浴びせられるとき、
あなたがたは幸いである。喜びなさい。大いに喜びなさい。天には大きな報いがある。

GOSPEL (Mt. 5, 1-12)

A reading from the Holy Gospel according to Matthew

When he (JESUS) saw the crowds, he went up the mountain, and after he had sat down, his disciples came to him.

He began to teach them, saying:

Blessed are the poor in spirit, for theirs is the kingdom of heaven.

Blessed are they who mourn, for they will be comforted.

Blessed are the meek, for they will inherit the land.

Blessed are they who hunger and thirst for righteousness, for they will be satisfied.

Blessed are the merciful, for they will be shown mercy.

Blessed are the clean of heart, for they will see God.

Blessed are the peacemakers, for they will be called children of God.

Blessed are they who are persecuted for the sake of righteousness, for theirs is the kingdom of heaven.

Blessed are you when they insult you and persecute you and utter every kind of evil against you [falsely] because of me.

Rejoice and be glad, for your reward will be great in heaven. Thus they persecuted the prophets who were before you.

EVANGELIO (Mt. 5, 1-12)

Lectura del santo Evangelio según san Mateo

Jesús, al ver toda aquella muchedumbre, subió al monte. Se sentó y sus discípulos se reunieron a su alrededor. Entonces comenzó a hablar y les enseñaba diciendo:

«Felices los que tienen el espíritu del pobre, porque de ellos es el Reino de los Cielos.

Felices los que lloran, porque recibirán consuelo.

Felices los pacientes, porque recibirán la tierra en herencia.

Felices los que tienen hambre y sed de justicia, porque serán saciados.

Felices los compasivos, porque obtendrán misericordia.

Felices los de corazón limpio, porque verán a Dios.

Felices los que trabajan por la paz, porque serán reconocidos como hijos de Dios.

Felices los que son perseguidos por causa del bien, porque de ellos es el Reino de los Cielos.

Felices ustedes, cuando por causa mía los insulten, los persigan y les levanten toda clase de calumnias.

Alégrense y muéstrense contentos, porque será grande la recompensa que recibirán en el cielo.

Pues bien saben que así persiguieron a los profetas que vivieron antes de ustedes.

TIN MỪNG

Tin Mừng Chúa Giê-su Ki-tô theo Thánh Mát-thêu.

Thấy đám đông, Đức Giê-su lên núi. Người ngồi xuống, các môn đệ đến gần bên. Người mở miệng dạy họ rằng:

“Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó,
vì Nước Trời là của họ.
Phúc thay ai hiền lành,
vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.
Phúc thay ai sầu khổ,
vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.
Phúc thay ai khát khao nên người công chính,
vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng.
Phúc thay ai xót thương người,
vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.
Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.
Phúc thay ai xây dựng hoà bình,
vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.
Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,
vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hớn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao.

Quả vậy, các ngôn sứ là những người đi trước anh em cũng bị người ta bách hại như thế.

説 教 HOMILY

共同祈願 GENERAL INTERCESSIONS

① We pray for all countries experiencing political unrest and the horrors of war. We pray for the conversion of the hardened hearts of their leaders and soldiers, and for the protection of the innocent women and children caught in these wars. We pray for healing for the victims of the wars, and comfort for those who have lost loved ones. We pray for protection for our own countries against any kind of war. And we pray for each and every one of us that we may always have the Holy Spirit within us, to teach us to be humble and to allow us to always radiate with the love of the Lord, to instill peace and love to everyone around us and never sow hatred or start our own wars.

政情不安と戦争の恐怖を経験しているすべての国のために祈ります。私たちは、彼らの指導者や兵士たちのかたくなな心が改心することと、これらの戦争に巻き込まれた罪のない女性と子供たちが保護されることを祈ります。戦争の犠牲者の方々の癒しと、愛する人を亡くされた方々の慰めを祈ります。私たちは、あらゆる種類の戦争から自国を守るよう祈ります。そして、私たち一人一人のために祈ります。聖霊が常に私たちの内に宿り、謙虚であることを教え、常に主の愛を輝かせ、周りのすべての人に平和と愛を伝えることができますように。そして憎しみを植え付け、自ら戦争を始めることがありませんように。

・主よ、私たちの祈りを聞き入れてください

- ② Danos tú la paz, enséñanos tú la paz, guíanos tú hacia la paz. Abre nuestros ojos y nuestros corazones, y danos la valentía para decir: «¡Nunca más la guerra!»; «con la guerra, todo queda destruido». Infúndenos el valor de llevar a cabo gestos concretos para construir la paz.

私たちに平和を与え、平和を教え、平和に導いてください。私たちの目と心を開いて、「もう二度と戦争がないように」「戦争はすべてを破壊するのです」と言う勇気を与えてください。平和を築くために具体的な行動を起こす力を私たちに与えてください。

・主よ、私たちの祈りを聞き入れてください

- ③ "Phúc thay người xây dựng hoà bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa". Nhờ lời cầu bầu của thánh Clara mà hôm nay giáo hội kính nhớ và thánh Phanxico Assissi là sứ giả của Hòa bình, chúng ta cùng xin Chúa ban ơn giúp cho mỗi người nên chứng nhân ánh sáng của Tin Mừng, thành người kiến tạo hòa bình, sống khiêm nhường và nhẫn nại để có thể trở thành người anh em của mọi người và mọi thụ tạo.

Lạy Chúa xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa.

「平和を実現する人々は、幸いである、その人たちは神の子と呼ばれる。」今日、お祝い日の聖クララと平和の聖人アシジのフランシスコの取次によって、私たちが福音の光をあかしし、平和を実現することができますように。また、謙虚に忍耐強く生き、すべての人々と被造物が兄弟となるように、神様の恵みをお与えてください。主よ、私たちを平和の道具としてください。

・主よ、私たちの祈りを聞き入れてください

- ④ ひとり一人の人間の尊厳が守られ、その権利が尊重され、いのちが守られる平和な世界が実現されますように、私たちに知恵と勇気をお与えください。

・主よ、私たちの祈りを聞き入れてください

奉納の歌 典 1 2 1 主は われらの ささえ

9

CL
TM



答唱 主はわれらのささえ 主はわれらのはしら



1. わたしは静かに神を待	つ	わたしの救いは神から来	る
2. 神は わたしのよりどこ	ろ	わたしのとりで わたしの救	い
3. 神は わたしの力 わたしののがれ	場	救いと栄えは神にあ	る
4. 力は神のも	の	いつくしみもまた主のも	の



1. わたしは けっし	て	ゆる	が	な	い
2. わたしの希望は神	の	う	ち	に	あ
3. いつも心を開き すべて	を	ゆ	だ	ね	よ
4. 神は わざに 応じて 人に	を	あ	た	え	ら
					れ
					る

感謝の典礼
THE LITURGY OF THE EUCHARIST

奉納祈願

聖なる父よ、御子イエスは、わたしたちの間から憎しみを除くために、尊い血を流されました。このささげものを受け入れ、争い悩む世界に和解と平和の恵みをお与えください。わたしたちの主イエス・キリストによって。アーメン。

PRAYER OVER THE GIFTS

Holy Father, Your Son Jesus shed His precious blood to remove hatred from among us. Accept these offerings and grant us the grace of reconciliation and peace in the world troubled by strife and conflicts. We ask this through Jesus Christ our Lord. Amen.

感謝の賛歌 SANCTUS (ミサ曲 B 613)

詞・曲 CBCJ

聖なる、 聖なる、 聖なる神、 すべてを治める神なる 主。

主の栄光は 天地に満 つ。 天には 神 に ホザン ナ。

主の名によって来られるかたに 賛 美。 天には 神 に ホザン ナ。

平和の賛歌 AGNUS DEI (ミサ曲 B 614)

詞・曲 CBCJ

世の罪を取り除く神の 小羊、 いつくしみを わたしたち に。

世の罪を取り除く神の 小羊。 いつくしみをわたしたち に。

世の罪を取り除く神の 小羊、 平和を わたしたち に。

めぐみのパン

♩ = 90 くらい CL
MS



答唱 めぐみのパンは われらをみたし
われらはひとつに むすばれる



- | | | | |
|-----------------|------|--------------------|-------|
| 1. 心を尽くして神を | たたえ | すべてをあげて とうといその名を | ほめ歌おう |
| 2. 神は わたしの罪を | ゆるし | 痛みを | いやされる |
| 3. 神は正義のわざを | 行い | しいたげられている人を | 守られる |
| 4. 天が地より高い | ように | いつくしみは神をおそれる人の | うえにある |
| 5. 父が子どもを いつくしむ | ように | 神の愛は神をおそれる人の | うえにある |
| 6. 神の使いよ 神を | たたえよ | みことばを聞き これを行う者よ 神を | たたえよ |



- | | | | |
|-----------------|------|----------------|--------|
| 1. 心を尽くして神を | たたえ | すべての恵みを心に | 留めよ う |
| 2. わたしのいのちを危機から | 救い | いつくしみ深く | 祝福され る |
| 3. 神は恵み豊かに あわれみ | 深く | 怒るに おそく いつくしみ | 深 い |
| 4. 東と西が果てしなく遠い | ように | 神は わたしたちを罪から | 引離され る |
| 5. 主は わたしたちの姿を | 知り | ちに過ぎないことを心に | 留められ る |
| 6. 天にあるものよ 神を | たたえよ | み旨を行うしもべたちよ 神を | たたえ よ |

Andante con grazia

A.T.

1. 主のしよくたくをかこーみ いのちのパンをいた だき
 2. 主のじゅうじかをおもーい 主のふっかつをた たーえ
 3. 主のよびかけにこ たーえ 主のみことばにし た がい

すくい の さか ず き を の み 主 に あ っ て わ れ ら は ひ と ー つ
 主 の み く に を ま ち の ゑ み 主 に あ っ て わ れ ら は い き ー る
 あ い の い ぶ き に み た さ れ 主 に あ っ て わ れ ら は あ ゆ ー む

マ ラ ナ タ マ ラ ナ タ 主 の み く に が き ま す よ う に

マ ラ ナ タ マ ラ ナ タ 主 の み く に が き ま す よ う に

拝領祈願

全能の神よ、一つのパンで養われたわたしたちの心を強めてください。わたしたちが対立を乗り越え、あなたの愛と正義に従って、平和な世界を造ることができますように。

わたしたちの主イエス・キリストによって。
 アーメン。

PRAYER AFTER COMMUNION

Almighty God, strengthen our hearts, nourished by the same bread. May we overcome our conflicts and create a world of peace according to your love and justice. We ask this through Jesus Christ our Lord. Amen.

閉 祭

THE CONCLUDING RITE

派遣の祝福

司教による荘厳な祝福

派遣の歌

アシジの聖フランシスコの平和の祈り（ベトナム語で歌われます）

Kinh Hòa Bình

Lời kinh của Thánh Phanxicô Assisi

Lm. Kim Long

Am C Am

Lạy Chúa từ nhân, xin cho con biết mến yêu và phụng sự

C E7 Am Dm C Am

Chúa trong mọi người. Lạy Chúa xin hãy dùng con như khí cụ bình

Dm C E7 Am Dm

an của Chúa. Để con đem yêu thương vào nơi oán

C Am E F C

thù, đem thứ tha vào nơi lắng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân

Am E7 Am F G

lý vào chốn lối lầm. Để con đem tin kính vào nơi nghi nan, chiếu trông

Am C E7 Am

cây vào nơi thất vọng. Để con dội ánh sáng vào nơi tối

C Dm E Am Dm C

tâm, đem niềm vui đến chốn u sầu. Lạy Chúa xin hãy dạy con:

Tìm an ủi người hơn được người ủi an. Tìm hiểu biết người hơn
 được người hiểu biết. Tìm yêu mến người hơn được người mến
 yêu. Vì chính khi hiến thân là khi được nhận lãnh.
 Chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân. Vì chính khi thứ
 tha là khi được tha thứ. Chính lúc chết đi là
 khi vui sống muôn đời. Ôi Thần Linh thánh ái xin
 mở rộng lòng con, xin thương ban xuống những ai lòng đầy thiện
 chí ơn An Bình.

平和の祈り

慈悲の主よ、人々のうちにあなたを愛し、奉仕するようにしてください。主よ、わたしを平和の器とならせてください。

憎しみがあるところに愛を、争いがあるところに赦しを、分裂があるところに一致を、疑いのあるところに信仰を、誤りがあるところに真理を、絶望があるところに希望を、闇あるところに光を、悲しみあるところに喜びを。

主よ、慰められるよりも慰める者としてください。理解されるよりも理解する者に、愛されるよりも愛する者に。

それは、わたしたちが、自ら与えることによって受け、許すことによって赦され、自分のからだをささげて死ぬことによってとこしえの命を得ることができるからです。

聖霊よ、私たちの心をお開きください。善意のある人々に平和をお与えください。